

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày 04 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Bà Lê Thị C (Mẹ ông Th) (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Hiện cư trú: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 10/9/2019, ông Võ Văn T có mua điện thoại hiệu Samsung còn nợ số tiền là 3.800.000 đồng, ông Th có ký tên vào biên nhận nợ, bà Lê Thị C (mẹ ông Th) có trả 1.000.000 đồng vào ngày 03/10/2019. Vào ngày 03/10/2019, ông Th có mua điện thoại ViVo còn nợ số tiền 1.750.000 đồng, bà Lê Thị C có ký tên vào biên nhận nợ. Như vậy, tổng

02 khoản tiền ông Võ Văn T và bà Lê Thị C còn nợ là 4.550.000 đồng. Từ khi còn nợ đến nay bà Lê Thị C, ông Võ Văn T không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà Lê Thị C, ông Võ Văn T cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Lê Thị C và ông Võ Văn T là mẹ con có ký nhận nợ cho nhau nên cả hai cùng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S. Vì vậy, ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị C, ông Võ Văn T phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 4.550.000 đồng.

Bị đơn là bà Lê Thị C, ông Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Lê Thị C, ông Võ Văn T phải liên đới trả tiền từ việc 02 điện thoại di động còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Võ Văn T và bà Lê Thị C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn T và bà Lê Thị C.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Việt S xác định bà Lê Thị C và ông Võ Văn T là mẹ con, cả hai có thỏa thuận mua 02 điện thoại di động tại cửa hàng của ông về sử dụng còn nợ tổng số tiền là 4.550.000 đồng. Bà Lê Thị C, ông Võ Văn T là người ký tên vào biên nhận nợ. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã thỏa thuận mua bán đôi với ông Võ Văn T, bà Lê Thị C (mẹ ông Th) là người ký tên lãnh trả số tiền do ông Võ Văn T còn nợ ông Nguyễn Việt S. Cụ thể: Ông Võ Văn T có mua 02 điện thoại di động vào các ngày 10/9/2019 và ngày 03/10/2019 tại cửa hàng của ông Nguyễn Việt S và còn nợ với tổng số tiền là 4.550.000 đồng. Quá trình mua điện thoại còn nợ thì ông Võ Văn T và bà Lê Thị C đều có ký tên vào biên nhận nợ. Từ khi mua hàng đến nay, ông Võ Văn T, bà Lê Thị C không trả như thỏa thuận, ông Nguyễn Việt S có liên hệ đòi nhưng bà Lê Thị C, ông Võ Văn T cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà Lê Thị C, ông Võ Văn T phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Nguyễn Việt S. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp 02 biên nhận ngày 10/9/2019, ngày 03/10/2019 có nội dung ông Võ Văn T, bà Lê Thị C còn nợ tổng số tiền 4.550.000 đồng từ việc mua 02 điện thoại di động.

[4]. Đối với ông Võ Văn T, bà Lê Thị C không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản

tổ. Do bà Lê Thị C cam kết bảo lãnh nợ cho con là ông Võ Văn T, cả hai người đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là buộc bà Lê Thị C, ông Võ Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền là 4.550.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông Võ Văn T và bà Lê Thị C cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Lê Thị C, ông Võ Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 4.550.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị C, ông Võ Văn T có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017354 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị C, ông Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước